TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2022/HS-ST
Ngày: 06/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Vụ

2. Bà Mai Thị Tiếp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:

Ông Nguyễn Duy Ninh - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 06/7/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2022/HSST ngày 09/5/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 227/QĐXXST- HS ngày 23/6/2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, tên gọi khác: Không; sinh năm 1972; Nơi ĐKNKTT: 06/506 Q T 1, phường Đ V, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình Đ; Con bà: Nguyễn Thị T; Có vợ là Nguyễn Thị K và có 01 con sinh năm 2013; Tiền sự: Không.

Tiền án: Năm 1992 Tòa án nhân dân thị xã Thanh Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản" (chưa chấp hành tiền án phí);

Nhân thân: Năm 1993 Tòa án nhân dân thị xã Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân"; Năm 1995 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 03 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân"; Năm 1998 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội "Trộm cắp tài sản công dân";

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" (Có mặt)

Bị hại: Chị Hoàng Thị Th, sinh năm 1978 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn XP, xã XB, huyện N X, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và Hoàng Thị Th có quan hệ tình cảm với nhau, sau khi tìm hiểu, T biết chị Th có 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda RSX BKS 36K3 – 050.59. Do có mục đích chiếm đoạt chiếc xe trên của chị T, nên đến khoảng 10h30 phút, ngày 09/10/2021, T nói với chị Th xuống thành phố Thanh Hóa để Tuấn mua xe mô tô mới tặng cho chị Thể. Khi xuống thành phố cả hai vào nhà nghỉ Hoa Cúc ở phường Quảng Thắng để quan hệ tình dục. Lợi dụng lúc chị Th vào nhà vệ sinh để tắm, T đã lấy được toàn bộ giấy tờ xe mô tô chị Th để trong túi áo chống nắng, mục đích để bán xe được dễ dàng. Khi chị Th vào phòng, T nói với chị T cho T mượn xe để đi mua cơm. Tin tưởng T nói thật nên chị Th đã để cho T lấy xe đi. Lấy được xe, T điều khiển xe đi gặp Dũng (là người quen của T, nhưng T không rõ nhân thân, lai lịch của Dũng) nhờ Dũng bán xe hộ được 4.000.000đ, T tiêu sài cá nhân hết.

Kết luận định giá số 181/KL- HĐĐGTS của Hội đồng định giá trong tố tụng thành phố Thanh Hóa đã kết luận: "Xe mô tô nhãn hiệu HON DA, WAVE RSX - BKS 36K3 – 050.59 có giá trị 6.000.000đ ".

Về vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HON DA, WAVE RSX - BKS 36K3 – 050.59, quá trình điều tra không thu giữ được, nên tiếp tục điều tra làm rõ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường trị giá chiếc xe bị chiếm đoạt.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa: Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tải liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 149/CTr-VKS ngày 05/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Nguyễn Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị chiếc xe bị chiếm đoạt. Nên buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại giá trị chiếc xe là 6.000.000đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST và 300.000đ án phí DSST theo quy định của pháp luật

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên:

Quá trình điều tra, truy tố Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi quyết định của người tiến hành tố tụng.

[2] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Do có mục đích chiếm đoạt xe mô tô của chị Hoàng Thị Th từ trước, nên 09/10/2021 Nguyễn Văn T đã dùng lời nói gian dối, tạo lòng tin với chị Hoàng Thị Th để chị Hoàng Thị Th xuống thành phố Thanh Hóa và đồng ý để cho Tuấn mượn xe mô tô nhãn hiệu HON DA, WAVE RSX - BKS 36K3 – 050.59 để đi mua cơm. Sau khi mượn được xe Nguyễn Văn T đã mang xe đi nhờ bạn bán hộ lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Kết quả định giá tại thời điểm bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu HON DA, WAVE RSX - BKS 36K3 – 050.59 có giá trị 6.000.000đ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên có đủ dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và khung hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Vì vậy VKSND thành phố Thanh Hóa truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Chỉ vì cần tiền chi tiêu cá nhân, Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của người tình. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện tính liều lĩnh, xem thường pháp luật và đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, nên cần được xử lý nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung

[4] Đánh giá về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích tại bản án hình sự sơ thẩm số 68/HSTA ngày 24/6/1992 của Tòa án nhân dân thị xã Thanh Hóa là thuộc trường hợp "Tái phạm". Nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào nhân thân và tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì cần cách ly bị cáo ra khỏi cộng đồng xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và có tính chất phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại là hoàn toàn chính đáng và phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự, nên chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Thể giá trị chiếc xe chiếm đoạt là 6.000.000đ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a, c khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điểm a, c khoản 1 Điều 23 NQ 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt:

Nguyễn Văn T 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho chị Hoàng Thị Thể 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bị cáo không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu thêm lãi suất đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Bị cáo; Bị hại,;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Thanh Hóa.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Hương